



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU



Trụ sở chính: Lô U12B – 16A, KCX Tân Thuận, Q.7, TP.HCM, Việt Nam

Tel: (84.8) 37700968 Fax: (84.8) 37700969

Chi nhánh : Tầng 15, Tòa nhà LILAMA 10, Phố Tố Hữu, Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84.4) 37722989, Fax: (84.4) 37723000

Phòng E – tầng 11, Đà Nẵng Software Park, 2 Quang Trung, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (84.511) 3812175, Fax: (84.511) 3812175

Website: www.saobacdau.vn



Mục lục

| | |
|--|----|
| I. TỔNG QUAN SAO BẮC ĐẪU..... | 4 |
| 1. Thông tin chung | 4 |
| 2. Lịch sử hoạt động & quá trình phát triển..... | 4 |
| 3. Ngành nghề kinh doanh | 7 |
| 4. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý..... | 8 |
| 4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý..... | 8 |
| 4.2 Công ty con | 11 |
| 5. Định hướng phát triển | 11 |
| 5.1 Mục tiêu..... | 11 |
| 5.2 Các chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn..... | 11 |
| 6. Các rủi ro..... | 12 |
| 6.1 Rủi ro về kinh tế..... | 12 |
| 6.2 Rủi ro pháp luật..... | 12 |
| 6.3 Rủi ro đặc thù của ngành..... | 12 |
| 6.4 Rủi ro cạnh tranh..... | 13 |
| II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC..... | 13 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 13 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 14 |
| 2.1 Ban điều hành..... | 14 |
| 2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành | 19 |
| 2.3 Báo cáo nhân sự | 20 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 20 |
| 3.1 Các khoản đầu tư lớn..... | 20 |
| 3.2 Công ty con: Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu | 22 |
| 3.2.1 Tóm tắt hoạt động..... | 22 |
| 3.2.2 Một số chỉ tiêu tài chính năm 2014 | 22 |
| 4. Tình hình tài chính | 23 |
| 4.1 Tình hình tài chính | 23 |
| 4.2 Tình hình tài sản..... | 24 |
| 4.3 Tình hình nợ phải trả..... | 24 |
| 4.4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 24 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu..... | 25 |
| 5.1 Cổ phần | 25 |
| 5.2 Cơ cấu cổ đông..... | 26 |
| 6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý..... | 26 |
| 7. Những hoạt động nổi bật trong năm | 27 |
| 8. Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 28 |
| III. QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 29 |
| 1. Hội đồng quản trị | 29 |
| 1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT | 29 |
| 1.2 Hoạt động của HĐQT | 30 |
| 2. Ban kiểm soát..... | 32 |
| 2.1 Thành viên và cơ cấu của BKS | 32 |
| 2.2 Hoạt động của BKS..... | 32 |
| 3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT BTGD và BKS | 32 |
| 3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích | 32 |



| | | |
|-----|---|----|
| 3.2 | Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (không có)..... | 33 |
| 3.3 | Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty..... | 33 |
| IV. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT | 33 |
| 1. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: | 33 |
| 2. | Bảng cân đối kế toán hợp nhất (rút gọn)..... | 34 |



I. TỔNG QUAN SAO BẮC ĐẦU

1. Thông tin chung

Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu

Tên tiếng Anh: SaoBacDau Technologies Corporation

Tên giao dịch: SaoBacDau Group

Tên viết tắt: SBD Corp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng

Vốn đầu tư chủ sở hữu: 80 tỷ đồng

Trụ sở chính:

❖ Địa chỉ: Tòa nhà Sao Bắc Đầu, Lô U12B – 16A, đường 22, KCX Tân Thuận, Q.7, Tp. HCM

❖ Điện thoại: (84.8) 37700968 Fax: (84.8) 37700969

Chi nhánh Hà Nội:

❖ Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà LILAMA 10, Phố Tố Hữu, Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội.

❖ Điện thoại: (84.4) 37722989 Fax: (84.4) 37723000

Chi nhánh Đà Nẵng:

❖ Địa chỉ: Phòng E, Tầng 11, Đà Nẵng Software Park, 02 Quang Trung, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

❖ Điện thoại: (84.511) 3812175 Fax: (84.511) 3812175

Website: www.saobacdau.vn

2. Lịch sử hoạt động & quá trình phát triển

❖ **1996:** Ngày 25/11/1996 công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty TNHH Điện - Điện Tử - Tin học Sao Bắc Đầu, có vốn điều lệ 900 triệu đồng cùng 04 CBNV làm việc, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm/giải pháp/dịch vụ trong ngành CNTT cho thị trường Việt Nam.

❖ **1997:** Thành lập chi nhánh tại Hà Nội.

❖ **1997-2003:** Sao Bắc Đầu (tên tiếng Việt) – ISP (tên tiếng Anh) trở thành công ty Việt Nam đầu tiên mang giải pháp mạng Cisco đến cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trong các năm này, Sao Bắc Đầu – ISP trở thành công ty nổi tiếng nhất tại Việt Nam



với các giải pháp Networking (hệ thống cáp cấu trúc mở, hệ thống chuyển mạch và định tuyến, tường lửa).

❖ **2004**

- Thành lập VPĐD tại Đà Nẵng.
- Chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty TNHH sang công ty Cổ phần với tên gọi: Công ty Cổ phần Điện - Điện Tử - Tin học Sao Bắc Đẩu, vốn điều lệ tăng lên 18 tỷ.

❖ **2007**

- Chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu với tên giao dịch tiếng Anh là SaoBacDau Group, vốn điều lệ 80 tỷ và 12 cổ đông sáng lập. Logo và hệ thống nhận dạng thương hiệu của Sao Bắc Đẩu cũng được đổi mới mang dáng vóc của tuổi trẻ, hiện đại, công nghệ, phù hợp với thời đại mới.
- Áp dụng chiến lược phát triển: Tăng cường và mở rộng đầu tư với mục đích tăng trưởng nhanh, nắm bắt thị trường rộng, cụ thể:
 - Tham gia góp 51% vốn thành lập Công ty cổ phần giải pháp quản lý tích hợp Sao Bắc Đẩu (S- IMS).
 - Mua lại 99% cổ phần của Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo Netpro (Netpro Co., Ltd).
 - Mua lại 98% cổ phần của Công ty Công nghệ Mạng và Thông tin Việt (Vietcomnet).
 - Mua lại và góp 30% vốn trong Công ty Cổ phần Dịch vụ-dữ liệu Công nghệ thông tin VINA (Vinadata) cùng với Vinagame.
 - Góp 30% vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Skills Group cùng với đối tác Đan Mạch – eVision Group (55% vốn), và công ty TNHH Netpro (15%).
 - Góp 30% vốn liên doanh cùng Công ty Cổ phần Viễn thông VTC thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng Việt Thành Công (VTC Networks).

❖ **2008:** Tiếp tục áp dụng chiến lược phát triển nhanh và đầu tư mở rộng:

- Mua lại 52% cổ phần của công ty CP Giải Pháp Kinh Doanh Sao Bắc Đẩu (SBD Business Solutions Corp).
- Tham gia góp 50% vốn thành lập Công ty Cổ phần Học viện Sao Bắc Đẩu (SBD Academy).



- Chuyển đổi hình thức hoạt động của VPĐD tại Đà Nẵng thành Chi nhánh.
- Chuyển nhượng toàn bộ 30% cổ phần tại Vinadata.
- ❖ **2009:** Chuyển đổi chiến lược phát triển thành phát triển theo chiều sâu, đầu tư cho công nghệ, bắt đầu tái cấu trúc công ty theo hướng thu hẹp các đầu tư dàn trải, cụ thể:
 - Rút hoàn toàn vốn đầu tư tại Công ty CP Giải pháp Kinh doanh Sao Bắc Đẩu (SBS).
 - Tăng vốn đầu tư tại VTC Networks; giảm vốn đầu tư tại Skills Group.
 - Giảm vốn đầu tư tại công ty TNHH Tư Vấn và Đào Tạo Netpro (Netpro) và chuyển nhượng phần vốn còn lại cho Học viện Sao Bắc Đẩu (SBD Academy), làm tăng CP của Sao Bắc Đẩu tại SBD Academy lên 82.7%.
- ❖ **2010:**
 - Tiếp tục tái cấu trúc công ty, tập trung cho mảng hoạt động lõi là dịch vụ tích hợp hệ thống (SI):
 - o Rút hoàn toàn vốn khỏi Học viện Sao Bắc Đẩu (SBD Academy) và công ty TNHH Tư vấn và Đào Tạo Netpro (Netpro).
 - o Rút hoàn toàn vốn khỏi Công ty cổ phần giải pháp quản lý tích hợp Sao Bắc Đẩu (S- IMS).
 - Đầu tư xây dựng và chuyển đổi trụ sở chính hoạt động về địa chỉ Lô 12B – 16A, đường 22, KCX Tân Thuận, Q.7, TP.HCM.
 - Tăng nguồn vốn kinh doanh lên 80 tỷ đồng.
- ❖ **2011:** Hoàn thành quá trình tái cấu trúc công ty và định hình hoạt động lõi, cụ thể:
 - Hoàn tất việc giải thể Công ty Công nghệ Mạng và Thông tin Việt (Vietcomnet).
 - Rút hoàn toàn vốn khỏi Công ty cổ phần Skills Group.
- ❖ **2012:** Tiếp tục hoàn thiện và tập trung cho mô hình hoạt động lõi là tích hợp hệ thống của công ty, bắt đầu tái cấu trúc công ty theo định hướng dịch vụ CNTT:
 - Đổi tên công ty con duy nhất là Công ty CP Công Nghệ Mạng Việt Thành Công (VTC Networks) thành Công ty CP Dịch Vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (SBDS) với địa chỉ đăng ký kinh doanh chính thức tại: T3-B4L, tầng hầm, tòa nhà Topaz, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, TP HCM.
 - Tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại SBDS lên 69%.



- Bắt đầu đầu tư cho các dịch vụ CNTT trong lĩnh vực cloud computing, khởi đầu là dịch vụ Easy Backup.

❖ **2013:**

- Tiếp tục định hướng công ty phát triển theo định hướng Dịch vụ CNTT và Viễn thông: Ngoài Easy Backup, Công ty bắt đầu đầu tư cho các hệ thống cloud computing thông qua hợp tác với VNPT-VDC (dịch vụ Cloud VNN) và VNPT-VTN (dịch vụ vCloud và vCDN).
- Tiếp tục củng cố mảng dịch vụ lõi của công ty là dịch vụ tích hợp hệ thống (SI).
- Tái cấu trúc vốn để tập trung cho đầu tư dịch vụ công nghệ thông qua việc chuyển nhượng phần đất còn lại tại KCX Tân Thuận cho đối tác Kakusho.

❖ **2014:**

- Tiếp tục củng cố mảng dịch vụ lõi của công ty là dịch vụ tích hợp hệ thống (SI).
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ CNTT trên nền điện toán đám mây: Easy Backup, Cloud VNN, vCloud và vCDN.
- Có bước tiếp cận mới ngoài thị trường SI truyền thống: triển khai và phát triển giải pháp cho các dự án về giao thông thông minh – ITS.

3. Ngành nghề kinh doanh

Được chuyển mình từ một nhà cung cấp các giải pháp tích hợp hệ thống chuyên nghiệp, đến nay Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu đang tiếp tục khẳng định và trở thành một Tổng Công ty cùng công ty thành viên hoạt động đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ cao. Với tiềm năng sẵn có là mối quan hệ đối tác chiến lược trong ngành CNTT với các tập đoàn hàng đầu thế giới, Sao Bắc Đẩu mang đến cho khách hàng sự thoả mãn cao nhất về giải pháp công nghệ và chất lượng dịch vụ.

Các hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Sao Bắc Đẩu:

- Cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông,
- Cung cấp các dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây,
- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ thông tin,
- Cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông và CNTT cho các khu đô thị mới, và cao ốc văn phòng, các khu chung cư,
- Cung cấp dịch vụ onsite cho dàn khoan, công ty dầu khí.

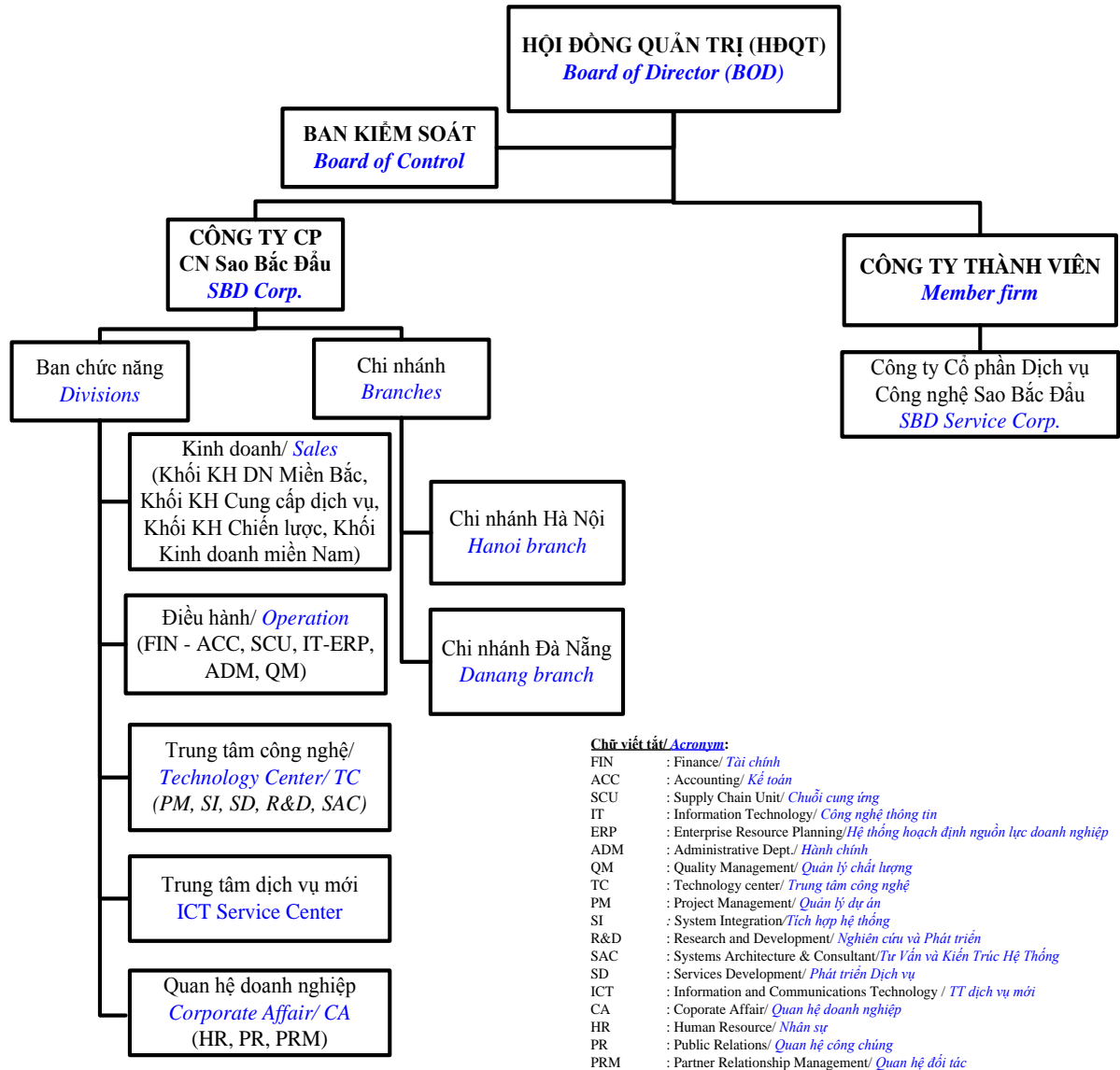


4. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị tại SBD bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm Soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối chức năng.

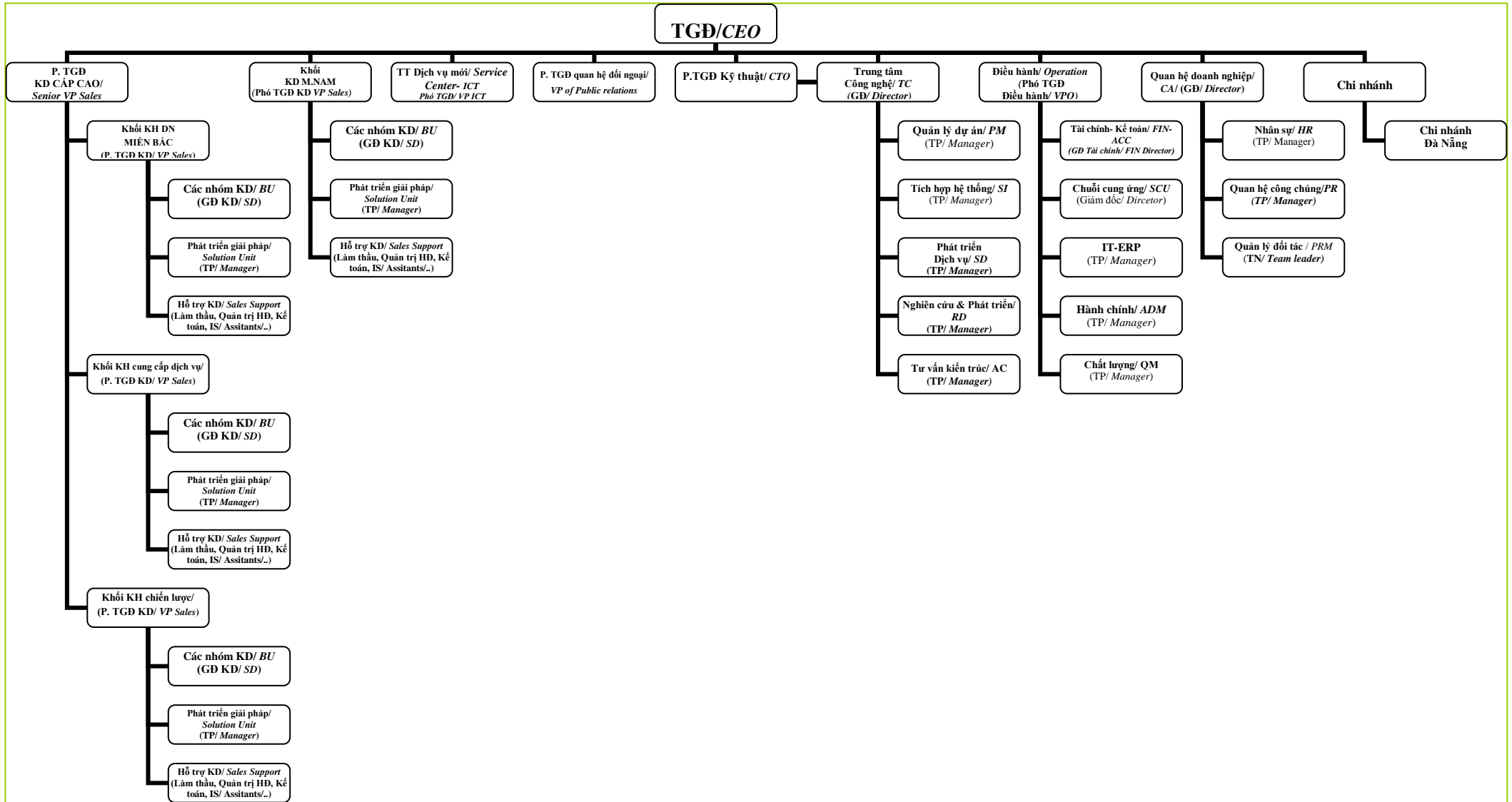
❖ Sơ đồ tổ chức tổng quát năm 2014





❖ **Sơ đồ tổ chức điều hành 2014**

Cơ cấu tổ chức điều hành của Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc phụ trách khối.





4.2 Công ty con

Tính đến 31/12/2014, Công ty không có công ty liên kết, chỉ có duy nhất một công ty con là Công ty CP Dịch Vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (SBD Service).

- *Địa chỉ:* Gian hàng số T3-B4L, tầng hầm, toà nhà Topaz, số 92 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- *Lĩnh vực hoạt động:* Lắp đặt hệ thống mạng điện thoại nội bộ, hệ thống ăng ten truyền hình và mạng viễn thông, thiết bị bảo vệ - báo động. Môi giới thương mại, Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, Mua bán thiết bị văn phòng, máy vi tính và linh kiện, phần mềm máy tính, linh kiện điện tử, thiết bị viễn thông và điều khiển, điện thoại, máy nhắn tin, hệ thống báo cháy-báo trộm-giám sát bán hàng, bộ đàm và linh phụ kiện, Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp, Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại, Cho thuê máy móc, thiết bị ngành viễn thông, Hoạt động viễn thông có dây, Hoạt động viễn thông không dây, Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet.
- *Vốn điều lệ thực góp:* 20 tỷ
- *Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ:* 13,8 tỷ/20 tỷ, chiếm 69% vốn góp của công ty con.

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu

- ❖ Mục tiêu hoạt động của Công ty là tập trung mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, lợi ích cho cộng đồng và thu nhập cao cho người lao động.
- ❖ Trở thành tổng công ty hàng đầu trong lĩnh vực CNTT tại Việt Nam là nơi hội tụ sự thành đạt và niềm tự hào của con người Sao Bắc Đẩu.
- ❖ Công ty phát triển cùng sự phát triển của đất nước, thay đổi linh hoạt với nền kinh tế thế giới, tăng cường sức mạnh cạnh tranh trên nền tảng vững chắc của các nguồn lực.

5.2 Các chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn

- Đẩy mạnh đầu tư, tạo đột biến tăng trưởng;
- Chuyên nghiệp hóa trong kinh doanh tạo sự phát triển bền vững;
- Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình sang cung cấp các loại hình dịch vụ CNTT và VT có quản lý (Managed Service), bao gồm các dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây (cloud computing).



6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng liên tục trong 10 năm qua với tốc độ tăng trưởng bình quân 7-8%/năm là một trong các thuận lợi quan trọng cho việc phát triển của các doanh nghiệp Việt nam nói chung, cho các doanh nghiệp ngành CNTT nói riêng và đặc biệt cho công ty Sao Bắc Đẩu.

Trong 3 năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung và nhiều ngành hẹp nói riêng đều chậm lại, lạm phát tăng cao và xu hướng cắt giảm đầu tư rất rõ. Mặc dù gói kích cầu của chính phủ phát huy tác dụng trong việc hạn chế suy giảm kinh tế, các biện pháp khác cũng làm chậm lại lạm phát tuy nhiên vẫn tiềm tàng nguy cơ giảm phát. Thị trường mà Sao Bắc Đẩu tập trung trong việc cung cấp dịch vụ là thị trường Các cơ quan Chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, các định chế tài chính, các doanh nghiệp và các dự án đầu tư trực tiếp do đó sự sụt giảm đầu tư từ các thị trường trên đều tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

6.2 Rủi ro pháp luật

Sự thống nhất về quản lý nhà nước trong lĩnh vực CNTT, viễn thông và truyền thông chỉ mới được thực hiện gần đây là thách thức với các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực này. Khung pháp lý (Luật CNTT và các văn bản dưới luật) mặc dù ngày càng hoàn thiện nhưng có lẽ vẫn còn khoảng cách với thế giới. Ranh giới giữa các ngành nghề được phép kinh doanh có điều kiện hay được phép, phân loại các ngành nghề để áp dụng chế độ và thuế suất các loại thuế chưa hoàn toàn rõ ràng đối với các doanh nghiệp. Nhiều giấy phép con vẫn còn đang hiệu lực là trở ngại với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù về bưu chính viễn thông hoặc các dịch vụ liên quan đến cung cấp nội dung số.

Hoạt động của Công ty chịu chi phối của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc trở thành công ty đại chúng và tiến hành huy động vốn trên thị trường chứng khoán là những lĩnh vực còn rất mới mẻ, luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán.

6.3 Rủi ro đặc thù của ngành

Ngành dịch vụ CNTT cũng là một trong các ngành được Chính phủ mở cửa rất sớm và không có hạn chế với đầu tư từ mọi thành phần kinh tế và nước ngoài. Hiện nay chưa có đánh giá chính thức nào về sự suy giảm tốc độ tăng trưởng của ngành CNTT Việt Nam do ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới



và Việt Nam. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia ngành CNTT, quy mô ảnh hưởng là không cao và ở tầm hạn chế.

Do các sản phẩm và giải pháp mà Công ty cung cấp cho khách hàng chủ yếu là sản phẩm nhập khẩu của các công ty nổi tiếng của Mỹ, do đó giá nhập khẩu được tính theo đồng Đô la Mỹ. Trong khi đó, giá chào bán cho các khách hàng tại Việt Nam mặc dù tham chiếu đến giá USD, nhưng khi thu thì Công ty thu bằng tiền VNĐ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó, sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Tuy nhiên, do Ban lãnh đạo công ty qua kinh nghiệm nhiều năm hoạt động đã luôn ý thức về ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến hoạt động của Công ty, do đó các ảnh hưởng về sự biến động của tỷ giá VNĐ/USD nhìn chung vẫn được Công ty kiểm soát tốt.

6.4 Rủi ro cạnh tranh

Các lĩnh vực và sản phẩm SBD tiên phong hiện cũng đã tiềm tàng các yếu tố cạnh tranh lớn, tuy nhiên phân khúc thị trường cấp cao, đặc biệt là thị trường cho các doanh nghiệp là thế mạnh của SBD và quan hệ đối tác công nghệ trong khối thị trường này. Mặt khác nhu cầu của khách hàng về các nhà cung cấp dịch vụ trung lập (neutral carrier) sẽ giúp định hướng của SBD tránh trực tiếp đối đầu cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn.

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 mặc dù nền kinh tế Việt Nam nói chung và các công ty hoạt động trong lĩnh vực CNTT nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự nhanh nhạy thích ứng với thị trường và sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, kết quả kinh doanh của SBD đã đạt kế hoạch năm và lần đầu tiên vượt mốc doanh thu 500 tỷ.

Kết quả thực tế của hoạt động kinh doanh hợp nhất đạt 109% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 145% so với kế hoạch.

ĐVT: tỷ đồng

| 2014 | Kế hoạch | Thực tế | Đạt |
|--------------------|----------|---------|------|
| Doanh thu thuần | 499.7 | 542.68 | 109% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.07 | 10.23 | 145% |

Kết quả kinh doanh thực tế năm 2014 tăng so với năm trước. Cụ thể, doanh thu đạt 154% so với năm 2013, lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 219% so với năm 2013.

ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Đạt |
|----------------------|--------|--------|------|
| Doanh thu hợp nhất | 352.75 | 542.68 | 154% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.15 | 13.46 | 219% |



| | | | |
|-----------------------------|-------|-------|------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.70 | 2.98 | 175% |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 0.055 | 0.25 | 455% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.39 | 10.23 | 233% |

Lĩnh vực tích hợp hệ thống (SI) tiếp tục giữ vai trò cốt lõi, doanh thu đến từ mảng này chiếm 93% kết quả kinh doanh hợp nhất.

- So với chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 đặt ra cho mảng SI, doanh thu thực tế đạt 109% kế hoạch, lợi nhuận thực tế đạt 139% kế hoạch.

ĐVT: tỷ đồng

| 2014 | Kế hoạch | Thực tế | Đạt |
|-----------------------|----------|---------|------|
| Doanh thu thuần SI | 459 | 502.6 | 109% |
| Lợi nhuận sau thuế SI | 6.36 | 8.87 | 139% |

- So với kết quả kinh doanh năm 2013, doanh thu và lợi nhuận năm 2014 đều tăng ấn tượng. Cụ thể, doanh thu đạt 155%, lợi nhuận sau thuế đạt 211%.

ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Đạt |
|-----------------------------|--------|--------|------|
| Doanh thu thuần SI | 325.09 | 502.66 | 155% |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.70 | 11.39 | 200% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.70 | 2.52 | 148% |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | -0.207 | | |
| Lợi nhuận sau thuế SI | 4.20 | 8.87 | 211% |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành

❖ Ông Trần Anh Tuấn

- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Số cổ phiếu sở hữu: 415,126 cp chiếm 5.19%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 8-1988 đến 3-1995: Nhân viên Công ty vận tải biển Việt Nam (Vosco), Cục Hàng Hải Việt Nam.
 - Từ 3-1995 đến 8-1996: Phụ trách kinh doanh, Văn phòng đại diện Thyssen AG tại Hà Nội.
 - Từ 9-1996 đến 5-1999: Giám đốc phát triển kinh doanh, Nortel Networks Việt Nam.



- Từ 12-1999 đến 5-2002: Phó tổng giám đốc phát triển kinh doanh, ủy viên HĐQT công ty cổ phần công nghệ thông tin EIS.
- Từ 5- 2002 đến 10 – 2006: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc công ty cổ phần công nghệ, viễn thông Sài Gòn.
- Từ 3-2007 đến 12-2007: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phát triển kinh doanh công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Từ 1-2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty Cổ Phần công nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Hà Thế Thập**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Số cổ phiếu sở hữu: 50,000 cp chiếm 0.63%
- Quá trình công tác:
 - Từ 01-1996 đến 08-1999 : Chuyên viên Công Ty Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng – Ban Tài chính Kinh tế Thành ủy Hải Phòng
 - Từ 09 -1999 đến 12-2000: Kế toán trưởng Công ty may Hải Phòng - Công Ty Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng
 - Từ 01-2001 đến 12-2006: Kế toán trưởng Công Ty CP Điện- Điện tử- Tin học Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 01-2007 đến 10-2010: Giám đốc Tài chính Công Ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 11-2010 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành Công Ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Lê Hồng Phong**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh cấp cao Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Số cổ phiếu sở hữu: 170,748 cp chiếm 2.13%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 12-1991 đến 02-2006 : Trung tâm Viễn Thông Quốc Tế Khu vực 2, chức vụ cuối cùng : Trưởng Phòng Phát Triển Dịch Vụ
 - Từ 03-2006 đến nay: Giám đốc Chi Nhánh Hà Nội của Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.



- Từ 01-2008 đến 31-12-2014: Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh của công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Từ 1-1-2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh cấp cao của Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Hoàng Hải Thịnh**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Quan hệ Đối ngoại Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Số cổ phiếu sở hữu: 194,099 cp chiếm 2.43%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 3-1985 đến 3-1994: Giáo viên PTTH tại Nam Định và phụ trách phòng máy tính thuộc liên hợp Dệt Nam Định.
 - Từ 4-1994 đến 9-1997: Giám đốc Trung tâm phát triển TB Giáo dục tin học - Tổng Công ty CSVC - Thiết bị - Bộ Giáo dục Đào tạo.
 - Từ 10-1997 đến 4-2002: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà nội của Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 5-2002 đến 2-2006: Phó Tổng Giám đốc Công ty Máy tính - Truyền thông CMC.
 - Từ 2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Quan hệ Đối ngoại Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Nguyễn Trung Dũng**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ mới (ICT Service), Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Số cổ phiếu sở hữu: 0
- Quá trình công tác:
 - Từ 2006 – 2007: Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Học tập và Giải trí trực tuyến (VDC-Net2E).
 - Từ 2007 – 2009: Giám đốc trung tâm DTS Telecom, Công ty Cổ phần Công nghệ DTS.
 - Từ 2010 – 2011: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Plantynet Việt Nam.
 - Từ 2011 – 2012: Giám đốc khu vực miền Bắc, Công ty Thông tin Di động Vietnam Mobile.



- Từ 01-03-2013 đến 31-12-2014: Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ mới (ICT Service), Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Từ 01-01-2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ mới (ICT Service), Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Lê Quốc Khánh**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh - Khối Khách hàng Cung cấp Dịch vụ.
- Số cổ phiếu sở hữu: 35,538cp chiếm 0.44%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 10 - 2000 đến 12 - 2002: Kỹ sư mạng Công Ty Cổ phần ITC
 - Từ 02 - 2003 đến 11-2005: Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Điện – Điện tử - Tin học Sao Bắc Đẩu
 - Từ 12 – 2005 đến 02-2008: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 03 – 2008 đến 12 – 2014: Phó Giám Đốc Chi nhánh Hà Nội, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 01 – 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Nguyễn Xuân Quang**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Khối Kinh doanh miền Nam.
- Số cổ phiếu sở hữu: 0
- Quá trình công tác:
 - Từ 11 - 2007 đến 11 - 2009: Giám đốc Dịch vụ Kỹ thuật, Công ty TNHH Kết nối Thông tin Hải An.
 - Từ 12 - 2009 đến 12 - 2012: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 01 – 2013 đến 12 – 2014: Giám đốc Kinh doanh, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 01 – 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.



❖ **Ông Nguyễn Việt Thắng**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Khối Khách hàng chiến lược.
- Số cổ phiếu sở hữu: 105,077cp chiếm 1.31%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 06 - 1996 đến 12 - 1996: Kỹ sư vận hành Tổng đài Ericson CME 20, Công ty viễn thông liên tỉnh - VTN
 - Từ 01 - 1997 đến 12 - 1999: Nhân viên kỹ thuật, Bru điện tỉnh Lào Cai
 - Từ 01 - 2000 đến 12 - 2002: Trưởng phòng Kỹ thuật Vận hành - Bru điện tỉnh Lào Cai
 - Từ 01 - 2003 đến 09 - 2006: Phó Giám Đốc Trung tâm CNTT Tỉnh Lào Cai
 - Từ 10 - 2006 đến 05 - 2007: Quyền Giám Đốc Trung tâm CNTT - VT tỉnh Lào Cai
 - Từ 06 -2007 đến 07 - 2008: Giám Đốc Trung tâm CNTT - VT tỉnh Lào Cai.
 - Từ 08 - 2008 đến 12 - 2009: Giám Đốc Kỹ thuật, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 01 - 2010 đến 12 - 2014: Giám Đốc Kinh doanh, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 01 - 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Ông Nguyễn Xuân Trường**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Khối Khách hàng Doanh nghiệp Miền Bắc.
- Số cổ phiếu sở hữu: 84,132 cp chiếm 1.05%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 06-2000 đến 2002: Nhân viên phòng kỹ thuật, Công ty Cổ phần Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 2002 đến 12 - 2005: Trưởng phòng kỹ thuật Chi nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đẩu.



- Từ 2005 đến 02 - 2007: Chuyên gia bảo mật, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Từ 2007 đến 03-2009: Phó GD kỹ thuật CN Hà Nội, Nhân viên kinh doanh BU4, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Từ 03 – 2009 đến 12 – 2014: Giám đốc kinh doanh, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Từ 01 – 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

❖ **Bà Hồ Thị Hồng Hạnh**

- Chức vụ: Kế toán trưởng, Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
- Số cổ phiếu sở hữu: 2,723 cp chiếm 0.03%.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 đến 2004: kế toán tại Công ty Xe và Máy.
 - Từ 03-2005 đến 05-2007: kế toán thanh toán Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - Từ 06-2007 đến nay: kế toán trưởng tại Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành

Ngày 01/01/2015, bổ sung các thành viên dưới đây vào Ban điều hành công ty:

- Ông Lê Quốc Khánh với chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh - Khối Khách hàng Cung cấp Dịch vụ.
- Ông Nguyễn Xuân Quang với chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Khối Kinh doanh miền Nam
- Ông Nguyễn Việt Thắng với chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Khối Khách hàng chiến lược.
- Ông Nguyễn Xuân Trường với chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Khối Khách hàng Doanh nghiệp Miền Bắc.
- Ông Nguyễn Trung Dũng với chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ mới (ICT Service).

Ngày 01/01/2015, điều chỉnh chức danh của ông Lê Hồng Phong từ Phó TGD Kinh Doanh thành Phó TGD Kinh Doanh cấp cao.

2.3 Báo cáo nhân sự

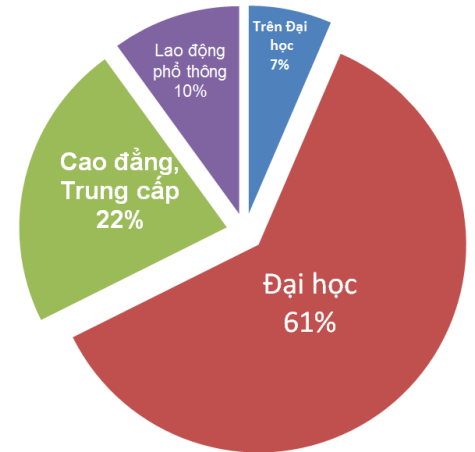
Số lượng nhân sự của Sao Bắc Đẩu và các công ty thành viên tính đến cuối năm 2014 đạt 219 người, so với năm 2013 tăng trưởng khoảng 103%.

Sao Bắc Đẩu – SI có số lượng nhân sự chiếm 77.6% số lượng nhân sự hợp nhất; số lượng nhân sự tính đến 31/12/2014 của Sao Bắc Đẩu – SI đạt 170 người.

Các số liệu nhân sự của Sao Bắc Đẩu- SI:

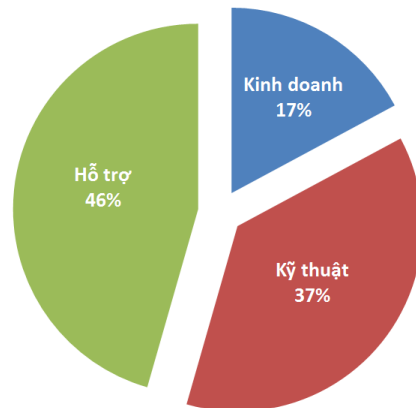
❖ Cơ cấu nhân sự theo trình độ:

| Trình độ | Số lượng | Tỷ lệ % |
|------------------------|----------|---------|
| 1. Trên Đại học | 11 | 7% |
| 2. Đại học | 104 | 61% |
| 3. Cao đẳng, Trung cấp | 38 | 22% |
| 4. Lao động phổ thông | 17 | 10% |
| Tổng cộng | 170 | 100% |



❖ Cơ cấu nhân sự theo khối chức năng:

| Khối chức năng | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----------------|----------|---------|
| 1. Kinh doanh | 29 | 17% |
| 2. Kỹ thuật | 63 | 37% |
| 3. Hỗ trợ | 77 | 46% |
| Tổng cộng | 170 | 100% |



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2014, SBD SI tiếp tục đầu tư và phát triển các dự án ở mảng kinh doanh Cloud. Cụ thể:



ĐVT: VNĐ

| STT | Tên dự án | Số tiền |
|-------------------|-----------|----------------------|
| 1 | CDN VTN | 2,317,077,272 |
| 2 | VTN CLOUD | 2,052,041,000 |
| 3 | VDC CLOUD | - |
| Tổng cộng: | | 4,369,118,272 |

Đánh giá hiện trạng và kết quả triển khai:

❖ **Easy Backup:**

- Về phát triển khách hàng trong năm 2014: Số lượng khách hàng đang có: 17 khách hàng (có 2 khách hàng nội bộ) với dung lượng 6,570 TB.

❖ **V-CDN**

➤ **Đánh giá hệ thống**

- Dịch vụ LiveTV: Lưu lượng CP HTV tại một số thời điểm là rất lớn, khiến các server biên TV đạt ngưỡng. Dự kiến sẽ có kế hoạch nâng cấp hệ thống để đảm bảo performance và chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Dịch vụ HTTP Download:
 - ✓ Dung lượng cần cache tại các cache biên lớn và tăng nhanh.
 - ✓ Sẽ có kế hoạch nâng cấp hệ thống để giảm thiểu lỗi đảm bảo dịch vụ khách hàng.

❖ **V-Cloud**

➤ **Tình hình sử dụng tài nguyên hệ thống:**

| | vCPU | RAM(GB) | HDD(GB) |
|-----------------|------------|------------|------------|
| Tổng tài nguyên | 544 | 2,496 | 32,600 |
| Đã bán cho KH | 171 | 310 | 18,110 |
| Đang sử dụng | 211 | 390 | 19,010 |
| KH | 171 | 310 | 18,110 |
| POC | 40 | 80 | 900 |
| Còn lại | 333 | 2,106 | 13,590 |
| Tỷ lệ sử dụng | 39% | 16% | 58% |

**❖ CloudVNN****➤ Tình hình sử dụng tài nguyên hệ thống:**

| | vCPU | RAM(GB) | HDD(GB) |
|-----------------|-------------|----------------|----------------|
| Tổng tài nguyên | 384 | 1,080 | 14,000 |
| Đã bán cho KH | 61 | 300.00 | 6,000.00 |
| Còn lại | 323 | 780 | 8,000 |
| Tỷ lệ sử dụng | 19% | 25% | 34% |

3.2 Công ty con: Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu**3.2.1 Tóm tắt hoạt động**

Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu (SBD Service - SBDS) trong năm 2014 đã có một năm hoạt động hiệu quả. Công ty có hai mảng kinh doanh chính là:

- ❖ Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông (điện thoại, truyền hình cáp, Internet, cho thuê hạ tầng truyền dẫn phủ sóng di động). Đây là mảng kinh doanh truyền thống của SBD Service kể từ khi thành lập vào cuối năm 2007, với các dự án đầu tư như: khu phức hợp Sài Gòn Pearl (P. 22 Q. Bình Thạnh), Tòa nhà Văn phòng cho thuê A&B (Quận 1), Chung cư Orient (Quận 4), Chung cư V-Star (Quận 7), Chung cư Rubyland (Q. Tân Phú), Chung cư Petroland (Quận 2) và Dự án 90 Nguyễn Hữu Cảnh... Các dự án đầu tư về cơ bản đều đã hoàn tất đầu tư và được đưa vào khai thác từ trước năm 2013. Riêng hai dự án: khu phức hợp Sài Gòn Pearl, công ty vẫn tiếp tục đầu tư ở nhiều hạng mục trong năm 2014 để nâng cao chất lượng sóng di động và Dự án 90 Nguyễn Hữu Cảnh đã hoàn tất đầu tư trong năm 2014.
- ❖ Cung cấp dịch vụ CNTT cho thị trường các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, là mảng kinh doanh thứ hai của SBD Service, được nhận từ Công ty mẹ từ năm 2012.
- ❖ Năm 2014 SBD Service đạt mức doanh số hơn 43 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch đề ra. Nhân sự kinh doanh và kỹ thuật ổn định.

3.2.2 Một số chỉ tiêu tài chính năm 2014

- Doanh số: 43.3 tỷ VNĐ
- Giá vốn: 27.56 tỷ VNĐ
- Chi phí bán hàng: 7.48 tỷ VNĐ



- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 5.98 tỷ VNĐ
- Lợi nhuận trước thuế: 2.9 tỷ VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế: 2.21 tỷ VNĐ
- Tổng tài sản: 29.33 tỷ VNĐ
- Tài sản cố định: 11.76 tỷ VNĐ
- Vốn chủ sở hữu: 20.99 tỷ VNĐ
- Lợi nhuận chưa phân phối: 0.98 tỷ VNĐ

Bảng Kết quả kinh doanh năm 2014 so với năm 2013

ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Đạt |
|-----------------------------|-------|------|------|
| Doanh thu | 35.78 | 43.3 | 121% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.21 | 2.91 | 240% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 0.46 | |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 0.26 | 0.25 | 96% |
| Lợi nhuận sau thuế | 0.94 | 2.21 | 234% |

Bảng kết quả kinh doanh thực tế so với kế hoạch năm 2014

ĐVT: tỷ đồng

| 2014 | Kế hoạch | Thực tế | Đạt |
|--------------------|----------|---------|------|
| Doanh thu | 40.7 | 43.3 | 106% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.56 | 2.21 | 142% |

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 293.66 | 345.94 | 18% |
| Doanh thu thuần | 352.75 | 542.68 | 54% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -1.89 | 9.23 | 588% |
| Lợi nhuận khác | 8.05 | 4.23 | -47% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.15 | 13.46 | 119% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.39 | 10.23 | 133% |



| | | | |
|----------------------------|----|-------------------|------|
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 5% | Đã tạm ứng 11% | 120% |
|----------------------------|----|-------------------|------|

4.2 Tình hình tài sản

Đối với chỉ tiêu tài sản trong năm 2014, về số tổng có tăng so với năm 2013.

Cụ thể: ở tài sản ngắn hạn tăng 22.8%, tài sản dài hạn giảm 3%.

Về chỉ tiêu tài sản dài hạn, năm 2014 giảm so với năm 2013 vì một số nguyên nhân, nhưng chủ yếu do trong năm 2013 đã đầu tư số tiền lớn vào dự án Cloud và kết chuyển hình thành tài sản cố định trong năm 2013 với giá trị hơn 12 tỷ VNĐ. Trong khi đó, năm 2014 hệ thống đã bắt đầu đi vào ổn định nên giá trị đầu tư và kết chuyển sang tài sản cố định trong năm ít hơn (khoảng 4 tỷ VNĐ), nên tổng tài sản dài hạn giảm.

DVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Tỷ trọng | Năm 2014 | Tỷ trọng | % tăng giảm |
|------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|--------------|
| Tài sản ngắn hạn | 236.64 | 80.6% | 290.64 | 84.0% | 22.8% |
| Tài sản dài hạn | 57.02 | 19.4% | 55.3 | 16.0% | -3.0% |
| Tổng cộng | 293.66 | 100% | 345.94 | 100% | 17.8% |

Về chỉ tiêu tài sản ngắn hạn, trong năm 2014 doanh thu tăng hơn so với năm 2013 (154 %) nên hàng tồn kho phải thu khách hàng tăng, dẫn tới chỉ tiêu tài sản ngắn hạn tăng.

4.3 Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2014, tổng nợ phải trả tăng 24.1% so với năm trước. Chỉ tiêu nợ dài hạn trong năm nay giảm 68.6% so với năm trước do các khoản vay của Công ty Cisco System Capital Asia Pte trong các năm trước đã được công ty thanh toán dần trong năm 2014.

DVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Tỷ trọng | Năm 2014 | Tỷ trọng | % tăng giảm |
|------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|--------------|
| Nợ ngắn hạn | 198.95 | 98.5% | 246.92 | 99.6% | 24.1% |
| Nợ dài hạn | 3.09 | 1.5% | 0.97 | 0.4% | -68.6% |
| Tổng cộng | 202.04 | 100% | 247.89 | 100% | 22.7% |

4.4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 1.19 | 1.18 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho | 1.16 | 1.04 | |



| | | | |
|--|-------|-------|--|
| Nợ ngắn hạn | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 69% | 72% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 236% | 271% | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân | 42.67 | 22.56 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1.20 | 1.57 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 1.2% | 1.9% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 5.1% | 11.2% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 1.5% | 3.0% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | -0.5% | 1.7% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

| Loại cổ phần | Tổng số cổ phần đang lưu hành | % | Mệnh giá | Quyền biểu quyết |
|--------------|-------------------------------|------|----------|------------------|
| Phổ thông | 7,603,676 | 100% | 10.000 | 1:1 |

Danh sách các cổ đông nắm giữ trên 5% số cổ phần đã phát hành của công ty:

| STT | Họ và tên | Số lượng cp | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|-------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Đức Quang | 1,528,523 | 19.11% |
| 2 | Mai Thị Thúy Mai | 821,774 | 10.27% |
| 3 | Đỗ Văn Hào | 506,950 | 6.34% |
| 4 | Trần Anh Tuấn | 415,126 | 5.19% |



5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2014:

| Miêu tả | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ trọng trên tổng số cổ phần đã phát hành |
|--|------------------|--------------------|--|
| 1. Cổ đông nhà nước | --- | --- | --- |
| 2. Cổ đông trong công ty, trong đó: | 44 | 5,606,068 | 70.08% |
| - HĐQT (Bao gồm ban TGD) | 11 | 3,717,994 | 46.47% |
| - Ban Kiểm Soát | 2 | 836,359 | 10.45% |
| - Cán bộ CNV | 30 | 655,391 | 8.19% |
| - Cổ phiếu quỹ | 01 | 396,324 | 4.95% |
| 3. Cổ đông ngoài công ty, trong đó: | 158 | 2,393,932 | 29.92% |
| - Cổ đông trong nước | | | |
| + Cá nhân | 157 | 2,385,761 | 29.82% |
| + Tổ chức | 0 | | |
| - Cổ đông ngoài nước | | | |
| + Cá nhân | 01 | 8,171 | 0,10% |
| + Tổ chức | --- | --- | --- |
| Tổng cộng | 202 | 8.000.000 | 100% |

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tháng 4/2014: sát nhập bộ phận PSSC (Trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp) vào TC (Trung tâm công nghệ), và bổ sung phòng ban, chức năng, nhiệm vụ của TC.
 - Sau khi sát nhập, trung tâm Công nghệ (TC) gồm các mảng: Tư vấn và phát triển các giải pháp/sản phẩm, triển khai dự án, phát triển giải pháp dịch vụ, quản lý dự án, quản lý quan hệ đối tác, nghiên cứu và phát triển các giải pháp/sản phẩm mới.



- Mục đích: tận dụng hiệu quả nguồn lực của các bộ phận trong TC, thông tin thông suốt và kịp thời, toàn diện ở tất cả các giai đoạn: tư vấn giải pháp, triển khai và quản lý dự án, các dịch vụ sau bán hàng.

➤ Tháng 1/2015:

- Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc đứng đầu các khối kinh doanh gồm: khối KH doanh nghiệp miền Bắc, khối KH chiến lược, khối kinh doanh miền Nam, khối kinh doanh KH cung cấp dịch vụ, và Trung tâm dịch vụ mới - ICT Service. Các Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh là người giúp việc cho Tổng Giám Đốc và thực hiện các công việc đã được Tổng Giám Đốc ủy quyền trong việc điều hành và phát triển hệ thống kinh doanh trong lĩnh vực được phân công.
- Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh cấp cao, là người giúp việc cho Tổng Giám Đốc và được Tổng Giám Đốc ủy quyền trong việc điều hành và phát triển hệ thống kinh doanh trong những lĩnh vực cụ thể.
- Bổ sung thêm phòng phát triển giải pháp vào khối kinh doanh. Khối kinh doanh sẽ gồm: nhóm kinh doanh, nhóm hỗ trợ kinh doanh và bộ phận phát triển giải pháp.
- Thay đổi tên các phòng ban của Trung Tâm Công Nghệ và tách mảng quản lý quan hệ đối tác ra khỏi Trung Tâm Công Nghệ. Đến hiện tại, Trung Tâm Công Nghệ gồm các phòng ban, chức năng như: phòng Quản lý dự án, phòng Tích hợp hệ thống, phòng Phát triển dịch vụ, phòng Nghiên cứu và Phát triển, phòng Tư vấn và Kiến trúc hệ thống.
- Bổ sung mảng quản lý quan hệ đối tác vào Bộ phận quan hệ doanh nghiệp.

Mục đích của việc thay đổi cơ cấu tổ chức là nhằm tạo ra sự chủ động, phát huy sự năng động của các bộ phận; tạo cơ hội điều hành cho các trưởng bộ phận, xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cao kế thừa cho công ty.

7. Những hoạt động nổi bật trong năm

- Tiếp tục duy trì là đối tác đầu tiên và duy nhất cung cấp các dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ quản lý của Cisco (CMSP - Cloud and Managed Services Certified Partner) cấp độ Advanced - tại Việt Nam hiện nay.
- Tiếp tục hợp tác với các đối tác VTN/VNPT và VDC phát triển các ứng dụng trên nền Cloud.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh các ứng dụng trên nền điện toán đám mây với việc thành lập SBD Digital.



- Tham gia tài trợ đối với các hoạt động của Hội như: họp mặt đầu năm Hội Tin Học Tp.HCM (HCA), tham gia chương trình từ thiện của Hội Doanh Nhân Trẻ (YBA), tài trợ hoạt động Họp mặt Hội Viên của Hiệp Hội An Toàn Thông Tin Phía Nam (VNISA), tham gia sự kiện Security Day 2014 của VNISA.
- Phối hợp với Cisco tổ chức các sự kiện giới thiệu giải pháp mới như: Cisco Smart Grid, Sourcefire - Agile Security for the Real World, Internet of Everything... Và tham gia nhiều sự kiện công nghệ lớn như: Hội Chợ CNTT Đà Nẵng (DANICT), Hitachi Information Forum... Đồng thời tổ chức nhiều sự kiện công nghệ thông tin tại các khu vực tỉnh thành như: tại Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội, Ngân Hàng Chính Sách Hà Nội, Sở Thông Tin & Truyền Thông Vĩnh Long, Sở Thông Tin & Truyền Thông Đà Nẵng.
- Đạt được nhiều thành công trong thị trường Gov, SMB, mạnh dạn khai phá những thị trường và khách hàng chưa từng làm. Đặc biệt ấn tượng là doanh số 100 tỷ đến từ lĩnh vực ITS.
- Giải thưởng đạt được:
 - Giải thưởng “**Sustainable Development Business – DOANH NGHIỆP VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2014**” – do Trung ương Hội trí thức Khoa học và Công nghệ trẻ Việt Nam, Viện doanh nghiệp Việt Nam phối hợp cùng tổ chức Global Assurance (Vương Quốc Anh) xét duyệt và trao tặng.
 - **Giải Thưởng Công Nghệ Thông Tin – Truyền Thông lần VI** do do Sở Thông tin và Truyền thông TP.HCM và Ủy Ban Nhân Dân Tp.HCM trao tặng với hạng mục đạt giải là các dịch vụ giá trị gia tăng tiêu biểu cho sản phẩm là các Hạ Tầng Trên Nền Điện Toán Đám Mây.
 - **Huy Chương Vàng đơn vị Tích hợp Hệ thống CNTT** do Hội Tin học TP. HCM (HCA) trao tặng.
 - **Giải thưởng triển vọng** cho dịch vụ sao lưu dữ liệu trên mây - Easy Backup.

8. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Tăng trưởng doanh thu hợp nhất năm 2015 đạt 109%, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt 113% so với năm 2014.
- Tiếp tục đầu tư và đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ trên nền điện toán đám mây đã xây dựng và phát triển từ năm 2013.



- Tập trung phát triển sản phẩm/ giải pháp đang là xu thế trên thị trường như: Cloud, BYOD, Hybrid... bên cạnh việc phát triển các giải pháp đặc thù cho từng mảng thị trường riêng biệt.
- Kết hợp với các đối tác thứ 3 trong việc phát triển và triển khai các giải pháp hạt nhân của từng khách hàng riêng biệt như software, core application... Đặc biệt chú trọng đến các giải pháp phục vụ cho mảng phát triển hạ tầng quốc gia (giao thông, điện, nước,...).
- Tiếp tục khai thác thị trường Gov, SMB, FSI, cải thiện thị trường SP.
- Tài chính: Chủ động nguồn vốn kinh doanh; quản lý ngân sách hoạt động chặt chẽ.
- Chuyên nghiệp hóa các hoạt động nội bộ để tối ưu kết quả kinh doanh.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng Quản trị gồm bảy (07) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng Quản Trị là Cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Dưới đây là chi tiết số lượng cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản Trị:

| STT | Họ tên | Chức danh | Số lượng cp | Tỷ lệ sở hữu cp |
|-----|------------------|---|-------------|-----------------|
| 1 | Nguyễn Đức Quang | CT HĐQT | 1,528,523 | 19.11% |
| 2 | Trần Tuyên Đức | Phó CT HĐQT | 355,020 | 4.44% |
| 3 | Trần Anh Tuấn | TV HĐQT kiêm TGD | 415,126 | 5.19% |
| 4 | Đỗ Văn Hào | TV HĐQT | 506,950 | 6.34% |
| 5 | Lê Hồng Phong | TV HĐQT kiêm Phó TGD kinh doanh cấp cao | 170,748 | 2.13% |
| 6 | Hoàng Hải Thịnh | TV HĐQT kiêm Phó TGD | 194,099 | 2.43% |
| 7 | Đặng Nam Sơn | TV HĐQT | 272,781 | 3.41% |

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban Quan hệ cổ đông, Ban kiểm soát nội bộ



1.2 Hoạt động của HĐQT

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2014 Hội đồng quản trị đã họp với 04 phiên định kỳ và 09 phiên bất thường, thông qua những nội dung chính sau:

| Phiên họp | Nội dung chính |
|--|---|
| Phiên họp 1 Ngày 07/01/2014 | – Thông qua việc thành lập website cho Công ty cổ phần Dịch Vụ Sao Bắc Đẩu (SBDS). |
| Phiên họp 2 Ngày 14/01/2014 | – Thông qua kết quả kinh doanh năm 2013. – Thông qua tạm ứng cổ tức năm 2013 cho cổ đông ở mức 5% tiền mặt. |
| Phiên họp 3 Ngày 01/04/2014 | – Thông qua báo cáo năm 2013 của SBD Service, SBD SI và toàn Group. – Thông qua kế hoạch kinh doanh và ngân sách 2014. – Thông qua báo cáo năm 2013 của BKS. – Thông qua báo cáo năm 2013 của HĐQT. – Thông qua công tác chuẩn bị ĐHCĐ 2014 |
| Phiên họp 4 Ngày 11/04/2014 | – Thông qua các tài liệu cho ĐHCĐ 2014. – Thông qua Báo cáo thường niên 2013. |
| Phiên họp 5 Ngày 21/04/2014 | – Thông qua việc dời Trụ sở chi nhánh Hà Nội từ: Phòng 404 – Tòa nhà 11 tầng – D10 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội sang địa chỉ mới: Tầng 15-Tòa nhà LILAMA10, đường Lê Văn Lương kéo dài, Phường Trung Văn, Từ Liêm, TP Hà Nội. |
| Phiên họp 6 Ngày 30/05/2014 | – Thông qua việc việc vay vốn, phát hành thư bảo lãnh, mở L/C và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn. |
| Phiên họp 7 Ngày 01/07/2014 | – Thông qua việc phát hành bảo lãnh tại GPBank. |
| Phiên họp 8 Ngày 01/08/2014 | – Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Bắc Sài Gòn. |
| Phiên họp 9 | – Thông qua báo cáo Quý I/II của SBD Service, SBI SI và |



| | |
|---|---|
| Ngày 05/08/2014 | <p>toàn Group.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc thực hiện các Nghị Quyết ĐHCĐ 2014.- Thông qua Báo cáo Quý I/II năm 2014 của BKS.- Thông qua Báo cáo Quý I/II năm 2014 của HĐQT.- Thống nhất bổ nhiệm Ông Phạm Thành Nam làm Phó TGD phụ trách Công Nghệ. |
| Phiên họp 10 Ngày 15/08/2014 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc vay vốn, phát hành bảo lãnh, mở L/C và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Chi nhánh Sài Gòn. |
| Phiên họp 11 Ngày 11/11/2014 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua Báo cáo Quý III của SBD Service, SBD SI và toàn Group.- Thông qua Báo cáo Quý III năm 2014 của HĐQT.- Thông qua chủ trương thành lập một công ty cổ phần có tên gắn với Sao Bắc Đẩu. Vốn đầu tư khoảng 10 tỷ, Công ty Mẹ chiếm đa số.- Thông qua chủ trương tái cấu trúc DN năm 2015 theo đề xuất của TGD. |
| Phiên họp 12 Ngày 30/12/2014 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc thành lập Công ty cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đẩu (SBDD).- Thống nhất ủy quyền ông Trần Anh Tuấn làm đại diện vốn của Công ty Sao Bắc Đẩu tại SBDD. |
| Phiên họp 13 Ngày 30/12/2014 | <p>- Thông qua bổ nhiệm nhân sự và điều chỉnh chức danh 2015 chi tiết như sau:</p> <p>a. Bổ nhiệm nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none">• Bổ nhiệm ông Lê Quốc Khánh làm Phó TGD khối Kinh doanh khách hàng cung cấp dịch vụ.• Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Quang làm Phó TGD khối Kinh doanh Miền Nam.• Bổ nhiệm ông Nguyễn Việt Thắng làm Phó TGD khối Khách hàng chiến lược.• Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Trường làm Phó TGD khối Khách hàng doanh nghiệp Miền Bắc. |



| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Dũng làm Phó TGD phụ trách ICT Service. <p>b. Điều chỉnh chức danh</p> <ul style="list-style-type: none">Điều chỉnh chức danh ông Lê Hồng Phong từ Phó TGD Kinh Doanh thành Phó TGD Kinh Doanh cấp cao. |
|--|--|

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của BKS

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban kiểm soát năm 2014 như sau:

| STT | Họ tên | Chức danh | Số lượng cp | Tỷ lệ sở hữu cp |
|-----|----------------------|-----------|-------------|-----------------|
| 1 | Mai Thị Thúy Mai | TBKS | 821,774 | 10.27% |
| 2 | Nguyễn Thị Minh Huân | TV BKS | 14,585 | 0.18% |
| 3 | Lê Phước Lộ | TV BKS | 0 | 0 |

2.2 Hoạt động của BKS

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty. Cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.
- Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị của Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT BTGD và BKS

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: VNĐ

| | |
|---------------------------|-------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị | 654.765.000 |
| Thù lao Ban Kiểm Soát | 144.000.000 |



| | |
|------------------------|----------------------|
| Thu nhập Tổng Giám Đốc | 833.803.454 |
| Tổng cộng: | 1.632.568.454 |

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (không có)

3.3 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các quy định quản trị nội bộ Công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

ĐVT: VND

| PL | CHỈ TIÊU | Năm 2014 | Năm 2013 | Tỷ lệ % tăng (+)/ giảm (-) |
|-----------|--|------------------------|------------------------|-------------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 542,992,604,483 | 352,753,199,241 | 54% |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 309,361,152 | - | |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 542,683,243,331 | 352,753,199,241 | 54% |
| 11 | Giá vốn hàng bán | 449,293,197,623 | 281,725,317,983 | 59% |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 93,390,045,708 | 71,027,881,258 | 31% |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 658,894,100 | 159,324,709 | 314% |
| 22 | Chi phí tài chính | 7,555,855,650 | 12,537,225,293 | -40% |
| 24 | Chi phí bán hàng | 26,678,853,372 | 16,862,854,558 | 58% |
| 25 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 50,587,099,199 | 43,681,624,780 | 16% |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 9,227,131,587 | 1,894,498,664 | 587% |
| 31 | Thu nhập khác | 4,232,677,204 | 18,336,778,576 | -77% |
| 32 | Chi phí khác | 2,692,993 | 10,289,917,962 | -100% |
| 40 | Lợi nhuận khác | 4,229,984,211 | 8,046,860,614 | -47% |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 13,457,115,798 | 6,152,361,950 | 119% |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2,975,455,697 | 1,702,337,075 | 75% |
| 52 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 249,220,706 | 55,329,044 | 350% |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | 10,232,439,395 | 4,394,695,831 | 133% |
| 61 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 684,864,596 | 292,411,196 | 134% |
| 62 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 9,547,574,799 | 4,102,284,635 | 133% |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1,256 | 531 | 137% |

**2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất (rút gọn)**

ĐVT: VND

| BS | Chỉ tiêu | | Số dư cuối kỳ | Số dư đầu kỳ |
|------------|-------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| 100 | I. | Tài sản ngắn hạn | 290,638,420,891 | 236,644,606,641 |
| 110 | | Tiền và các khoản tương đương tiền | 17,140,596,821 | 29,537,198,677 |
| 120 | | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - |
| 130 | | Các khoản phải thu ngắn hạn | 229,369,010,925 | 185,615,657,001 |
| 140 | | Hàng tồn kho | 34,409,592,785 | 5,419,371,671 |
| 150 | | Tài sản ngắn hạn khác | 9,719,220,360 | 16,072,379,292 |
| 200 | II. | Tài sản dài hạn | 55,299,049,982 | 57,018,514,802 |
| 210 | | Các khoản phải thu dài hạn | - | - |
| 220 | | Tài sản cố định | 52,409,542,808 | 55,205,505,088 |
| 221 | | Tài sản cố định hữu hình | 42,950,311,018 | 45,309,264,898 |
| 224 | | Tài sản cố định thuê tài chính | - | - |
| 227 | | Tài sản cố định vô hình | 9,459,231,790 | 9,896,240,190 |
| 230 | | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - |
| 240 | | Bất động sản đầu tư | - | - |
| 250 | | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - |
| 260 | | Tài sản dài hạn khác | 2,889,507,174 | 1,813,009,714 |
| | | Lợi thế thương mại | | |
| 270 | | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 345,937,470,873 | 293,663,121,443 |
| 300 | III. | Nợ phải trả | 247,891,155,719 | 202,047,407,684 |
| 310 | | Nợ ngắn hạn | 246,916,455,093 | 198,949,855,608 |
| 330 | | Nợ dài hạn | 974,700,626 | 3,097,552,076 |
| 400 | IV. | Vốn chủ sở hữu | 91,540,047,397 | 85,794,310,598 |
| 410 | | Vốn chủ sở hữu | 91,540,047,397 | 85,794,310,598 |
| 411 | | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 80,000,000,000 | 80,000,000,000 |
| 412 | | Thặng dư vốn cổ phần | 1,123,900 | 1,123,900 |
| 413 | | Vốn khác của chủ sở hữu | - | - |
| 414 | | Cổ phiếu quỹ | - 3,963,240,000 | - 3,963,240,000 |
| 415 | | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | - | - |
| 416 | | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |



| | | | | |
|------------|----|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 417 | | Quỹ đầu tư phát triển | 349,878,228 | 349,878,228 |
| 418 | | Quỹ dự phòng tài chính | 1,360,788,841 | 1,155,674,609 |
| 419 | | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - |
| 420 | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 13,791,496,428 | 8,250,873,861 |
| 421 | | Nguồn vốn đầu tư XDCB | - | - |
| 430 | | Nguồn kinh phí và các quỹ khác | - | - |
| 431 | | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| 432 | | Nguồn kinh phí | - | - |
| 433 | | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | - | - |
| 439 | V. | Lợi ích của cổ đông thiểu số | 6,506,267,757 | 5,821,403,161 |
| 440 | | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 345,937,470,873 | 293,663,121,443 |

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, xác nhận rằng các thông tin được cung cấp trong bản báo cáo thường niên này đã thể hiện ở mức độ chính xác và đầy đủ nhất (theo nhận định của chúng tôi) về tình hình hoạt động một cách toàn diện trong năm 2014 của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2015 .

**Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT**

(đã ký)

Nguyễn Đức Quang

Tổng Giám Đốc

(đã ký)

Trần Anh Tuấn